

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Công nhận xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2019**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN ĐĂKR'LẤP**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 619/QĐ-TTg ngày 08 tháng 5 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 07/2017/TT-BTP ngày 28 tháng 7 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về điểm số, hướng dẫn cách tính điểm các chỉ tiêu tiếp cận pháp luật, Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật và một số nội dung về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật;

Theo hồ sơ đánh giá, biên bản họp Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật ngày 06 tháng 01 năm 2020;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tư pháp tại Tờ trình số 02/TTr-PTP ngày 06 tháng 01 năm 2020,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công nhận 10 xã, thị trấn (có Danh sách kèm theo) đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2019.

**Điều 2.** Giao cho Văn phòng HĐND và UBND huyện công bố công thông tin điện tử của huyện.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Chủ tịch Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật, Trưởng phòng Tư pháp, Chủ tịch UBND các xã có tên tại Điều 1 và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- TT. Huyện ủy;
- TT. HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Công thông tin điện tử huyện (đăng tải);
- Lưu: VT, HSDG.

} Báo cáo;

**KT.CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Thị H' Nhó**

**DANH SÁCH**  
**CÁC XÃ ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT NĂM 2019**  
(Kèm theo Quyết định số **29** /QĐ-UBND ngày **07** tháng 01 năm 2020)

STT	Tên xã, thị trấn	Tổng điểm	Điểm của từng tiêu chí					Kết quả đánh giá sự hài lòng (%)
			Tiêu chí 1	Tiêu chí 2	Tiêu chí 3	Tiêu chí 4	Tiêu chí 5	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
<b>I</b>	<b>Loại I</b>							
1	Xã Nghĩa Thắng	92.75	15	28.5	23	6.25	20	98.75
2	Xã Đăk Ru	92	15	28	23	8	18	100
3	Xã Quảng Tín	91.5	15	28	23	8.5	17	100
4	Xã Nhân Cơ	90.5	11	29	21.5	10	19	100
<b>II</b>	<b>Loại II</b>							
5	Xã Hưng Bình	89	14	28	22	8	17	100
6	Xã Đăk Wer	87.25	11	28.75	22	8.5	17	98.52
7	Xã Đạo Nghĩa	86.5	12	27	20.5	10	17	100
8	TT. Kiên Đức	86.5	14	28	18.5	9	17	100
9	Xã Nhân Đạo	86	14	26.5	21	8.5	16	100
10	Xã Kiên Thành	84	13.5	26.5	19.5	7.5	17	93.3

(Ấn định danh sách này là 10 đơn vị)